

Bản án số: 16/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 25 - 3- 2021

V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đức Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Ngọc Chiến**

Bà Mai Tường Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Lê** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Bích Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 445/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST- HNGĐ ngày 25 Tháng 01 năm 2021 và Thông báo thời gian xét xử số 15/2021/TB- TA ngày 10 Tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị B**, sinh năm 1992.

ĐKKHKT: Xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Mạnh T**, sinh năm 1994.

ĐKKHKT: Phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị B trình bày:

Chị và anh Đỗ Mạnh T đăng ký kết hôn vào tháng 4 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Chị và anh T kết hôn, chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Anh chị kết hôn sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Bản thân chị thấy mình không có lỗi gì trong việc phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 12 năm

2019 chị B đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở Vĩnh Phúc sinh sống và kể từ đó đến nay chị không còn liên lạc và gặp gỡ anh T nữa. Người thân hai bên gia đình đều biết mâu thuẫn vợ chồng của vợ chồng chị và có khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả. Chính vì cảm thấy không thể tiếp tục chung sống, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân cùng anh T được nữa nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Đỗ Mạnh T.

Về con chung: Chị Vũ Thị B và anh Đỗ Mạnh T có 01 con chung là Đỗ Việt A, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2019. Từ khi ly thân cho đến hiện nay con chung vẫn đang ở cùng chị. Hơn nữa do con chung còn quá nhỏ nên chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện chị làm nghề buôn bán tự do, thu nhập hàng tháng được khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng. Chị có đầy đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con và có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Vũ Thị B và anh Đỗ Mạnh T không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần anh Đỗ Mạnh T tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh T đều vắng mặt nên không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị B và không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tố tụng các đương sự tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị B, chị B được ly hôn với anh T; Chị B được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Việt A, anh T không phải cấp dưỡng cho con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Mạnh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nên yêu cầu xin ly hôn của chị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Mạnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 27/2019, ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh thể hiện hôn nhân giữa chị Vũ Thị B và anh Đỗ Mạnh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị B trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mỗi người đều tự làm theo ý mình, dẫn đến tình cảm cứ phai nhạt dần. Người thân, hai bên gia đình đều biết mâu thuẫn vợ chồng và có khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị B đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở Vĩnh Phúc từ tháng 12 năm 2019. Thời gian đầu sống ly thân chị B chủ động liên lạc với anh T để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không liên lạc được. Và từ đó đến nay anh chị không liên lạc, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Do đó, chị B đề nghị được ly hôn anh Đỗ Mạnh T vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo xác minh tại địa phương và tại gia đình anh Đỗ Mạnh T thể hiện: Chị B và anh T là vợ chồng hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do tính cách hai người không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, chỉ được 5 đến 7 ngày hòa thuận là vợ chồng lại cãi nhau. Gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng cả 2 vẫn hay cãi nhau. Trong quá trình chung sống, nhiều lần chị B bế con về nhà ngoại ở Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh T đã không còn gì nữa, mỗi người sống một nơi và đều đã có cuộc sống riêng. Cho đến nay anh T không còn muốn gặp lại và nhìn thấy chị B nữa.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh T. Điều đó thể hiện sự không hợp tác trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng của bị đơn anh Đỗ Mạnh T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, hai người sống ly thân nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị B về việc xin ly hôn với anh Đỗ Mạnh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B và anh T có 01 con chung là Đỗ Việt A sinh ngày 21 tháng 4 năm 2019. Từ khi sống ly thân con chung đã ở với chị B, khi ly hôn chị B có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung, chị có việc làm và thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con chung.

Xét thấy anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không rõ quan điểm của anh T về việc nuôi dưỡng con chung. Chị B hiện làm kinh doanh buôn bán tự do, thu nhập đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung. Do con chung còn quá nhỏ và chị B có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng con nên việc giao con chung là Đỗ

Việt A cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị B, giao con chung Đỗ Việt A cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) để đảm bảo lợi ích toàn diện của con.

Do chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên anh T không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “xin ly hôn” của nguyên đơn chị Vũ Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị B được ly hôn với anh Đỗ Mạnh T.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Việt A, sinh ngày 21/4/2019 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005577, ngày 25/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- UBND phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đức Thanh